

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT**

Phòng số: 32 Chiều T6 tại phòng: 416
Ngày Thứ 7 tại phòng: 402

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900351	9N	Trần Khánh An	14/09/2006	
2	900352	9N	Dương Ngọc Quỳnh Anh	21/01/2006	
3	900353	9N	Đào Lưu Mai Anh	30/11/2006	
4	900354	9N	Đặng Duy Anh	03/01/2006	
5	900355	9N	Đinh Hà Anh	03/07/2006	
6	900356	9N	Đỗ Hoàng Phương Anh	17/03/2006	
7	900357	9N	Đỗ Quang Anh	5/7//2006	
8	900358	9N	Hoàng Đức Anh	02/04/2006	
9	900359	9N	Hoàng Nguyễn Hà Anh	17/01/2006	
10	900360	9N	Lê Đức Anh	04/01/2006	
11	900361	9N	Lê Hoàng Anh	28/1//2006	
12	900362	9N	Lê Vũ Anh	14/02/2006	
13	900363	9N	Nguyễn Châu Anh	28/10/2006	
14	900364	9N	Nguyễn Hà Vy Anh	9/12//2006	
15	900365	9N	Nguyễn Hoàng Thụ Anh	18/04/2006	
16	900366	9N	Nguyễn Hồng Anh	08/10/2006	
17	900367	9N	Nguyễn Quỳnh Anh	14/10/2006	
18	900368	9N	Nguyễn Tiến Việt Anh	06/05//2006	
19	900369	9N	Nguyễn Tô Nam Anh	9/11//2006	
20	900370	9N	Nguyễn Thị Mai Anh	21/07//2006	
21	900371	9N	Nguyễn Việt Anh	23/4//2006	
22	900372	9N	Phạm Thị Quỳnh Anh	24/12/2006	
23	900373	9N	Phan Thy Anh	21/03/2006	
24	900374	9N	Trần Mai Anh	26/10/2006	
25	900375	9N	Trần Việt Anh	08/04/2006	
26	900376	9N	Trịnh Quỳnh Anh	13/9//2006	
27	900377	9N	Vũ Đình Anh	16/11/2006	
28	900378	9N	Vũ Huyền Anh	30/06/2006	
29	900379	9N	Vũ Mỹ Anh	03/03/2006	
30	900380	9N	Vũ Phan Anh	04/12/2006	
31	900381	9N	Vũ Phương Anh	18/10/2006	
32	900382	9N	Nguyễn Minh Ánh	26/02/2006	
33	900383	9N	Nguyễn Hoàng Bách	16/06/2006	
34	900384	9N	Nguyễn Xuân Bách	12/02/2006	
35	900385	9N	Trần Sơn Bách	28/04/2006	
36	900386	9N	Vũ Gia Bách	21/10/2006	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT**

Phòng số: 33 Chiều T6 tại phòng: 417
Ngày Thứ 7 tại phòng: 403

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900387	9N	Hoàng Gia Bảo	15/04/2006	
2	900388	9N	Lâm Gia Bảo	18/08/2006	
3	900389	9N	Phan Gia Bảo	17/11/2006	
4	900390	9N	Trần Bá Việt Bảo	20/07/2006	
5	900391	9N	Trần Duy Bảo	27/08/2006	
6	900392	9N	Trần Gia Bảo	03/04//2006	
7	900393	9N	Lê Thị Bích	24/12/2006	
8	900394	9N	Hoàng Thị Mỹ Bình	10/10//2006	
9	900395	9N	Nguyễn Thanh Bình	17/12/2006	
10	900396	9N	Phạm Thành Bình	12/10//2006	
11	900397	9N	Lê Minh Cường	18/12/2006	
12	900398	9N	Lê Minh Châu	26/02/2006	
13	900399	9N	Nguyễn Lê Minh Châu	29/11//2006	
14	900400	9N	Nguyễn Minh Châu	20/04/2006	
15	900401	9N	Phạm Bảo Châu	29/10/2006	
16	900402	9N	Đào Hà Chi	19/7//2006	
17	900403	9N	Nguyễn Hà Chi	27/08/2006	
18	900404	9N	Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi	6/10//2006	
19	900405	9N	Nguyễn Lan Chi	27/08/2006	
20	900406	9N	Trần Vũ Xuyên Chi	19/09/2006	
21	900407	9N	Nguyễn Đình Chiến	09/09//2006	
22	900408	9N	Nguyễn Đức Chính	18/7//2006	
23	900409	9N	Trần Huy Doanh	10/10/2006	
24	900410	9N	Đặng Trí Dũng	08/11/2006	
25	900411	9N	Ngô Chí Dũng	03/06/2006	
26	900412	9N	Thái Quốc Dũng	20/10/2006	
27	900413	9N	Trương Hoàng Duy	6/12//2006	
28	900414	9N	Nguyễn Hoàng Dương	26/9//2006	
29	900415	9N	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	17/09/2006	
30	900416	9N	Doãn Thành Đạt	13/10//2006	
31	900417	9N	Nguyễn Quốc Đạt	26/01/2006	
32	900418	9N	Trần Đăng	09/09/2006	
33	900419	9N	Đào Phú Đồng	09/11/2006	
34	900420	9N	Đỗ Thái Đức	12/12//2006	
35	900421	9N	Hoàng Vĩnh Giang	30/5//2006	
36	900422	9N	Lê Hương Giang	10/04/2006	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT**

Phòng số: 34 Chiều T6 tại phòng: 503
Ngày Thứ 7 tại phòng: 404

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900423	9N	Lê Thùy Giang	19/08/2006	
2	900424	9N	Nguyễn Thái Hương Giang	08/10/2006	
3	900425	9N	Nguyễn Trà Giang	01/05/2006	
4	900426	9N	Phạm Ngân Giang	19/01/2006	
5	900427	9N	Vũ Hương Giang	14/09/2006	
6	900428	9N	Đinh Thị Phương Hà	02/12/2006	
7	900429	9N	Đỗ Trần Ngân Hà	02/03/2006	
8	900430	9N	Nguyễn Hồng Hà	24/02/2006	
9	900431	9N	Nguyễn Minh Hà	20/04/2006	
10	900432	9N	Lê Đoàn Mỹ Hạnh	15/10/2006	
11	900433	9N	Nguyễn Anh Hào	19/03/2006	
12	900434	9N	Vũ Thu Hằng	3/3//2006	
13	900435	9N	Nguyễn Bảo Hân	13/01/2006	
14	900436	9N	Nguyễn Minh Hiền	11/12/2006	
15	900437	9N	Kim Đình Hiếu	22/12/2006	
16	900438	9N	Nguyễn Gia Hiếu	14/04/2006	
17	900439	9N	Trịnh Minh Hoàng	30/06/2006	
18	900440	9N	Phạm Quốc Bảo Hùng	27/04/2006	
19	900441	9N	Đỗ Đức Huy	14/8//2006	
20	900442	9N	Phạm Ngọc Huy	21/01//2006	
21	900443	9N	Nguyễn Lê Khánh Huyền	29/11/2006	
22	900444	9N	Phan Khánh Huyền	21/02//2006	
23	900445	9N	Đỗ Mai Tuấn Hưng	03/10/2006	
24	900446	9N	Nguyễn Cảnh Hưng	03/02/2006	
25	900447	9N	Phạm Khải Hưng	25/1//2006	
26	900448	9N	Phi Quang Hưng	19/7//2006	
27	900449	9N	Trần Xuân Khánh Hưng	4/4//2006	
28	900450	9N	Vũ Thu Hương	20/08/2006	
29	900451	9N	Lê Đức Kiên	01/06/2006	
30	900452	9N	Nguyễn Trung Kiên	30/1//2006	
31	900453	9N	Vũ Trung Kiên	07/12/2006	
32	900454	9N	Nguyễn Sỹ Khải	16/3//2006	
33	900455	9N	Lương Văn Khang	15/01/2006	
34	900456	9N	Đoàn Gia Khánh	30/05/2006	
35	900457	9N	Đỗ Nam Khánh	07/11/2006	
36	900458	9N	Hoàng Quốc Khánh	02/09/2006	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT**

Phòng số: 35 Chiều T6 tại phòng: 504
Ngày Thứ 7 tại phòng: 405

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900459	9N	Nguyễn Quốc Bảo Khánh	17/02/2006	
2	900460	9N	Đặng Quang Khôi	14/10//2006	
3	900461	9N	Trần Minh Khôi	28/03/2006	
4	900462	9N	Lê Anh Khuê	29/01/2006	
5	900463	9N	Nguyễn Ngọc Khuê	17/11/2006	
6	900464	9N	Trịnh Vũ An Khuê	06/02/2006	
7	900465	9N	Trần Chi Lan	12/12//2006	
8	900466	9N	Bùi Ngọc Linh	25/04/2006	
9	900467	9N	Vũ Tuấn Minh	21/10/2006	
10	900468	9N	Cù Hương Linh	26/03/2006	
11	900469	9N	Đào Lưu Thủy Linh	9/9//2006	
12	900470	9N	Đặng Hà Linh	20/12/2006	
13	900471	9N	Đinh Bảo Linh	03/10/2006	
14	900472	9N	Lê Hồng Linh	17/09/2006	
15	900473	9N	Lê Ngọc Linh	13/5//2006	
16	900474	9N	Lê Thị Phương Linh	21/02/2006	
17	900475	9N	Nguyễn Bảo Linh	20/7//2006	
18	900476	9N	Nguyễn Hải Linh	12/11/2006	
19	900477	9N	Nguyễn Kiều Linh	07/11/2006	
20	900478	9N	Nguyễn Ngọc Phương Linh	4/7//2006	
21	900479	9N	Nguyễn Ngọc Phương Linh	11/11/2006	
22	900480	9N	Nguyễn Thùy Linh	22/09/2006	
23	900481	9N	Phạm Gia Linh	12/12/2006	
24	900482	9N	Phan Hà Linh	03/03/2006	
25	900483	9N	Trần Thị Mai Linh	25/12//2006	
26	900484	9N	Vũ Phương Linh	20/10/2006	
27	900485	9N	Lê Bùi Minh Long	4/8//2006	
28	900486	9N	Phạm Hoàng Long	15/07/2006	
29	900487	9N	Vũ Thị Cẩm Ly	05/05/2006	
30	900488	9N	Đào Ngọc Mai	15/07/2006	
31	900489	9N	Đoàn Thanh Mai	17/01/2006	
32	900490	9N	Trần Trà Mi	16/07/2006	
33	900491	9N	Bùi Lê Minh	03/04/2006	
34	900492	9N	Hà Quang Minh	22/08/2006	
35	900493	9N	Lê Phước Minh	12/11/2006	
36	900494	9N	Ngô Đức Minh	30/05/2006	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT**

Phòng số: 36 Chiều T6 tại phòng: 505
Ngày Thứ 7 tại phòng: 407

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900495	9N	Ngô Tuấn Minh	30/10/2006	
2	900496	9N	Nguyễn Đăng Nhật Minh	27/12/2006	
3	900497	9N	Nguyễn Đức Minh	24/02/2006	
4	900498	9N	Nguyễn Đức Quang Minh	26/03/2006	
5	900499	9N	Nguyễn Quang Minh	02/01/2006	
6	900500	9N	Nguyễn Việt Minh	15/09//2006	
7	900501	9N	Phạm Ngọc Minh	21/05/2006	
8	900502	9N	Phạm Nhật Minh	13/11/2006	
9	900503	9N	Tạ Quang Minh	19/09/2006	
10	900504	9N	Trần Hoàng Minh	29/11/2006	
11	900505	9N	Trần Lê Bình Minh	03/02/2006	
12	900506	9N	Trần Quang Minh	20/05/2006	
13	900507	9N	Lê Ngọc My	10/1//2006	
14	900508	9N	Phí Hoàng My	25/02/2006	
15	900509	9N	Ngô Hữu Nam	30/10/2006	
16	900510	9N	Nguyễn Huy Thành Nam	07/04/2006	
17	900511	9N	Nguyễn Trọng Ninh	23/08/2006	
18	900512	9N	Phạm Phương Nga	13/05/2006	
19	900513	9N	Đỗ Bảo Ngân	26/10//2006	
20	900514	9N	Lê Trang Ngân	30/06/2006	
21	900515	9N	Vũ Công Nghĩa	19/10/2006	
22	900516	9N	Đặng Minh Ngọc	25/12/2006	
23	900517	9N	Hoàng Minh Ngọc	15/01/2006	
24	900518	9N	Kiều Bảo Ngọc	15/06/2006	
25	900519	9N	Lê Bích Ngọc	05/04/2006	
26	900520	9N	Trần Bảo Ngọc	16/08/2006	
27	900521	9N	Lê Thị Nguyên	04/11/2006	
28	900522	9N	Hoàng Khôi Nguyên	07/12/2006	
29	900523	9N	Trần Minh Nguyệt	06/10/2006	
30	900524	9N	Hoàng Quyên Nhi	13/02/2006	
31	900525	9N	Trương Hạo Nhiên	11/09/2006	
32	900526	9N	Nguyễn Trang Nhung	30/12/2006	
33	900527	9N	Nguyễn Kiều Phong	13/04/2006	
34	900528	9N	Nguyễn Quốc Phong	31/05//2006	
35	900529	9N	Nguyễn Vĩnh Phong	05/09/2006	
36	900530	9N	Đinh Bảo Phúc	03/02/2006	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT****Phòng số: 37****Chiều T6 tại phòng:****602****Ngày Thứ 7 tại phòng:****410**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900531	9N	Vũ An Phúc	30/11/2006	
2	900532	9N	Đinh Đỗ Tri Phương	20/01/2006	
3	900533	9N	Lê Phương	08/05/2006	
4	900534	9N	Lê Hà Nguyên Phương	12/10/2006	
5	900535	9N	Lê Thu Phương	16/12/2006	
6	900536	9N	Nguyễn Anh Phương	18/2//2006	
7	900537	9N	Nguyễn Đăng Tuệ Phương	25/04/2006	
8	900538	9N	Nguyễn Minh Phương	07/12/2006	
9	900539	9N	Nguyễn Như Phương	27/05/2006	
10	900540	9N	Nguyễn Minh Quang	23/05/2006	
11	900541	9N	Lê Minh Quân	01/11/2006	
12	900542	9N	Nguyễn Anh Quân	19/11/2006	
13	900543	9N	Nguyễn Anh Quân	16/12/2006	
14	900544	9N	Nguyễn Hoàng Quân	09/10/2006	
15	900545	9N	Vũ Bảo Quyên	23/03/2006	
16	900546	9N	Nguyễn Phan Quỳnh	25/02/2006	
17	900547	9N	Hoàng Linh San	02/11/2006	
18	900548	9N	Vũ Minh Sang	16/12/2006	
19	900549	9N	Đào Trọng Sơn	15/12/2006	
20	900550	9N	Nguyễn Hồng Sơn	01/04/2006	
21	900551	9N	Phạm Vũ Trường Sơn	25/03/2006	
22	900552	9N	Lưu Huệ Tâm	11/09/2006	
23	900553	9N	Nguyễn Trọng Tâm	17/2//2006	
24	900554	9N	Nguyễn Đỗ Minh Tân	10/08/2006	
25	900555	9N	Nguyễn Tuấn Tú	10/10/2006	
26	900556	9N	Nguyễn Ngọc Tuấn	19/4//2006	
27	900557	9N	Nguyễn Minh Thanh	18/03/2006	
28	900558	9N	Nguyễn Duy Thành	28/1//2006	
29	900559	9N	Đặng Phương Thảo	29/08/2006	
30	900560	9N	Nguyễn Phương Thảo	29/10/2006	
31	900561	9N	Nguyễn Chiến Thắng	24/12/2006	
32	900562	9N	Nguyễn Đình Thi	07/08/2006	
33	900563	9N	Nguyễn Minh Thư	4/2//2006	
34	900564	9N	Nguyễn Minh Thư	22/10/2006	
35	900565	9N	Bùi Minh Trang	10/10/2006	
36	900566	9N	Hoàng Mai Trang	21/10//2006	

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT**

Phòng số: 38 Chiều T6 tại phòng: 603
Ngày Thứ 7 tại phòng: 411

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900567	9N	Kiều Minh Trang	13/3//2006	
2	900568	9N	Nguyễn Quỳnh Trang	14/10/2006	
3	900569	9N	Trần Hiền Trang	29/04/2006	
4	900570	9N	Nguyễn Lê Minh Trí	12/08/2006	
5	900571	9N	Phạm Đức Trí	21/07/2006	
6	900572	9N	Lương Minh Trung	15/10/2006	
7	900573	9N	Phạm Đức Trung	25/9//2006	
8	900574	9N	Trần Quốc Trung	23/10/2006	
9	900575	9N	Vương Quốc Trung	25/12//2006	
10	900576	9N	Đào Phương Uyên	18/12/2006	
11	900577	9N	Đỗ Thu Uyên	07/09/2006	
12	900578	9N	Lưu Thu Uyên	9/6//2006	
13	900579	9N	Trần Khánh Vân	02/02/2006	
14	900580	9N	Lưu Mai Vi	27/11/2006	
15	900581	9N	Nguyễn Ngọc Hà Vi	22/05/2006	
16	900582	9N	Lê Đức Vinh	22/06/2006	
17	900583	9N	Nguyễn Dương Công Vinh	12/09/2006	
18	900584	9N	Trần Thành Vinh	08/12/2006	
19	900585	9N	Nguyễn Kim Vĩnh	21/11/2006	
20	900586	9N	Đào Long Vũ	03/06/2006	
21	900587	9N	Mai Trần Hà Vy	27/6//2006	
22	900588	9N	Nguyễn Lê Vy	05/02/2006	
23	900589	9N	Vũ Thảo Vy	30/11/2006	
24	900590	9N	Ngô Hải Yến	26/10/2006	
25	900591	9N	Đào Xuân Anh	03/05/2006	Không KT Văn
26	900592	9N	Nguyễn Hải Đăng	17/04/2006	Không KT Văn
27	900593	9N	Nguyễn Thanh Hải	27/01/2006	Không KT Văn
28	900594	9N	Nguyễn Vũ Hiếu	15/06/2006	Không KT Văn
29	900595	9N	Hòa Phạm Đăng Khôi	26/08/2006	Không KT Văn
30	900596	9N	Lưu Mỹ Linh	23/03/2006	Không KT Văn
31	900597	9N	Đinh Quang Minh	01/11/2006	Không KT Văn
32	900598	9N	Ngô Trọng An Nguyên	21/04/2006	Không KT Văn
33	900599	9N	Nguyễn Xuân Hoàng Tuấn	24/11/2006	Không KT Văn
34	900600	9N	Phạm Đức Thắng	22/02/2006	Không KT Văn
35	900601	9N	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/2006	Không KT Văn
36					

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**DANH SÁCH HỌC SINH K9 TRƯỜNG NGOÀI DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT**

Phòng số: 39 Ngày Thứ 7 tại phòng: 412

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	900602	9N	Đặng Tường Anh	02/03/2006	
2	900603	9N	Nguyễn Thảo Anh	28/06/2006	
3	900604	9N	Lê Ngọc Bách	02/11/2006	
4	900605	9N	Phạm Khôi Bảo	06/07/2006	
5	900606	9N	Bùi Công Dũng	06/10/2006	Không KT Văn
6	900607	9N	Lại Hoàng Hải	07/11/2006	
7	900608	9N	Nguyễn Anh Hoa	02/02/2006	
8	900609	9N	Vũ Ngọc Hoa	13/09/2006	Không KT Văn
9	900610	9N	Phạm Thu Hoài	03/10/2006	Không KT Văn
10	900611	9N	Nguyễn Nhật Lam	25/11/2006	
11	900612	9N	Trần Khánh Linh	20/02/2006	
12	900613	9N	Trần Mỹ Linh	20/02/2006	
13	900614	9N	Phạm Thị Xuân Mai	08/02/2006	
14	900615	9N	Trần Đình Tuấn Minh	23/08/2006	
15	900616	9N	Kiều Nhật Nguyên	26/09/2006	
16	900617	9N	Phạm Khôi Nguyên	06/07/2006	
17	900618	9N	Nguyễn Đào Bảo Như	03/05/2006	Không KT Toán
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					